

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết.

Bà Nguyễn Hải Âu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TANA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012 và có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 07/9/2015. Sau đó anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐD vào ngày 06/9/2016. Do công việc của anh không có thời gian dành cho việc chăm sóc gia đình nên chị T nói anh không quan tâm đến vợ con, từ nguyên nhân này chị T nhiều lần gửi đơn đến cơ quan nơi anh công tác làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của anh. Nay anh cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mất tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu được ly hôn với chị T.

Sau khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung anh xác định không có.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Ngọc T trình bày: Chị và anh Tuấn A quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng bắt đầu từ năm 2012. Đến khi chị sinh con nhưng anh Tuấn A và gia đình không chấp nhận chị và con chị phải đi xét nghiệm AND. Kết quả xét nghiệm đúng là con ruột của anh Tuấn A nên lúc này anh chị tự nguyện đến UBND thị trấn ĐD, huyện ĐD đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống chị phải thuê nhà gần nơi làm của anh Tuấn A tại thị trấn SĐ, huyện TVT để vợ chồng chung sống nuôi con, nhưng trong thời gian này mọi chi phí đều do chị gách vác, anh Tuấn A không quan tâm, lo lắng, phụ giúp gì cho chị và con, trong khi đó anh Tuấn A còn mượn tiền riêng của chị chi xài và trả nợ. Từ tết năm 2018 chị phải về gia đình chị sinh sống tại xóm A, thị trấn ĐD cho đến nay. Từ nguyên nhân này, chị có gửi hai lá đơn đến cơ quan của anh Tuấn A với mong muốn khuyên can anh Tuấn A sửa đổi, chăm lo cho mẹ con chị chứ không muốn hạ danh dự, uy tín của anh Tuấn A. Anh Tuấn A cho rằng không có thời gian chị đồng ý vì biết công việc của anh Tuấn A làm nhưng chị vẫn chấp nhận kết hôn với anh Tuấn A. Nay chị xác định giữa chị và anh Tuấn A không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án cho ly hôn chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, anh Tuấn A và chị T tự nguyện chung sống vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐD, huyện ĐD nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh chị sống ly thân từ tết năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa anh Tuấn A cho rằng chị T nhiều lần gửi đơn đến cơ quan nơi anh công tác nên làm mất danh dự, uy tín của anh và yêu cầu được ly hôn; chị T cho rằng do anh Tuấn A không quan tâm gì đến vợ và con nên có gửi 02 lá đơn nhờ cơ quan khuyên can anh Tuấn A chăm lo cho gia đình và xác định không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ chung sống nuôi con.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện và thương yêu nhau. Quá trình chung sống do công việc nên anh Tuấn A không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, lý do này mà chị T có 02 lần gửi đơn đến cơ quan anh Tuấn A công tác nhằm mục đích khuyên can anh Tuấn A chăm lo cho gia đình là có xảy ra, được các bên đương sự thừa nhận, đây là mâu thuẫn xuất phát tạm thời nguyên nhân xuất phát đều do lỗi của anh Tuấn A, chị T có suy nghĩ nhất thời nên gửi đơn nhưng không nhằm mục đích xâm phạm đến danh dự, uy tín của anh Tuấn A. Mặt khác, tại phiên tòa anh Tuấn A xác định không có mâu thuẫn nào khác. Hơn nữa, điều kiện nuôi con của chị T hiện nay thật sự khó khăn, cần phải có sự chia sẻ của anh Tuấn A trong công việc chăm sóc gia đình, nuôi dưỡng con chung

nên chị T yêu cầu đoàn tụ và hứa sửa đổi không gửi đơn đến nơi anh Tuấn A công tác, đây là thiện chí của chị T muốn hàn gắn. Ngoài ra, anh chị không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; điều kiện đi đến mỗi quan hệ hôn nhân của anh chị thật sự rất khó khăn nhưng thời gian chung sống lại chưa dài, tuổi đời còn trẻ chưa thích nghi cuộc sống gia đình nên cần thêm thời gian cho anh chị suy nghĩ, hàn gắn và sửa chữa những sai sót, khuyết điểm của mình.

[3] Từ các căn cứ phân tích trên, cho thấy hôn nhân của anh chị chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn đạt được, nên yêu cầu của anh Tuấn A xin ly hôn với chị T là chưa thỏa mãn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được chấp nhận.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn A nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về con chung, tài sản chung, nợ chung của anh chị là có căn cứ.

[5] Án phí hôn nhân gia đình anh Tuấn A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tuấn A khởi kiện xin ly hôn với chị Phạm Ngọc T.

Án phí hôn nhân gia đình anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000đồng, anh Tuấn A đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0009658 ngày 16/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, anh Tuấn A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Kiên